| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T**<br>**TỈNH H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2024
V/v "Ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Ông **Nguyễn Văn Xuân**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Huyền** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1272/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2023 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2024 giữa các đương sự sau:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Minh T** – sinh năm 1989

HKTT: Tổ 2 phường T, thành phố T
Địa chỉ liên lạc: 71/11/8 đường H 1, xã N, thành phố T
Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tùng L** - sinh năm 1984
HKTT: Tổ 2 phường T, thành phố T
Địa chỉ liên lạc: 71/11/8 đường H 1, xã N, thành phố T
Có đơn xin vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải:* Tôi và ông Nguyễn Tùng L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống chúng tôi rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Ông L không lo làm ăn, chơi bida, cá độ … Chúng tôi đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không khắc phục được. Nếu cứ tiếp tục như vậy sẽ gây ức chế cho cả hai người và ảnh hưởng đến tâm lý con cái. Vì vậy, tôi xin ly hôn với ông L.

Tôi và ông L có 02 con chung là Nguyễn Trường P sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 27/4/2021. Tôi xin nuôi 02 con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Tùng L trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải:* Tôi và cô Nguyễn Thị Minh T tự nguyện kết hôn năm 2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn, chúng tôi sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây do cuộc sống có nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Nay cô T xin ly hôn tôi không đồng ý vì sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của các con.

Tôi và cô T có 02 con chung là Nguyễn Trường P sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 27/4/2021. Nếu phải ly hôn thì tôi xin nuôi 02 con và không yêu cầu cô T cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Việc bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Tùng L, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

** Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Tùng L tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, thành phố T, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 11/11/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

*Hội đồng xét xử xét thấy:* Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông L không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Tùng L có 02 con chung là Nguyễn Trường P sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 27/4/2021. Bà T và ông L đều có nguyện vọng muốn nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Nguyễn Trường P xin được sống với mẹ, còn cháu Nguyễn Bảo N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo các cháu được ổn định về mặt tinh thần cũng như không xáo trộn trong việc học hành, hội đồng xét xử quyết định nên giao 02 con chung Nguyễn Trường P sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 27/4/2021 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn ông Nguyễn Tùng L.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Trường P sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 27/4/2021 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Minh T không yêu cầu ông Nguyễn Tùng L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tùng L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời ông L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà T, ông L có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001618 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà Nguyễn Thị Minh T đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận*:**
*- Tòa án nhân dân tỉnh H;*
*- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*
*- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;*
*- UBND xã N-Tp. T-tỉnh H*
*(Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 11/11/2011);*
*- Đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**Đào Dương Thị Phương Dung**